Sài gòn trước và đầu thời Pháp

Lê Quý Đôn ghi lại trong Phủ Biên Tạp Lục: ‘’Năm 1674 Thống suất Nguyễn Dương Lâm vâng lệnh chúa Nguyễn đánh Cao Miên và phá vỡ Lũy Sài Gòn (tiếng Hán viết là "Sài Côn"). Đây là lần đầu tiên danh từ "Sài Gòn" xuất hiện trong tài liệu Việt Nam.

Năm 1679, một số di thần nhà Minh đem 3.000 người đến đàng trong, xin thần phục chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn Phúc Tần chấp thuận cho họ cư trú ở nhiều vùng đất của Cao Miên đến vùng Gia Định, Nông Nại (Đồng Nai), trấn Định Tường (thuộc Mỹ Tho), Bàn Lân, Lộc Đã (tức Biên Hòa). Tại những vùng này họ mở mang đất đai, lập phố chợ, giao thông buôn bán. Dần dần các tàu thuyền người Hoa, người phương Tây,Nam Duong đến đây buôn bán ngày càng tấp nập.

Trong Gia Định thành thông chí, Trịnh Hoài Đức chép : “*Những người Hoa đến Đông Phố (Gia Định,nay là Sài Gòn) mở mang đất đai, lập phố chợ, giao thương buôn bán. Tàu thuyền người Hoa, người phương Tây, người Nhật, người Chà Và (người Java Indonesia ngày nay) tụ tập tấp nập, khiến vùng Đông Phố vô cùng thịnh vượng. Năm 1679, chúa Nguyễn cho sáp nhập Đồng Nai và Gia Định vào lãnh thổ của mình. Gia Định từ đó thuộc về Đàng Trong, người Việt cũng liên tục di dân đến đây khiến vùng đất này ngày càng mở mang thịnh vượng*”.

Năm 1698, chúa Nguyễn Phúc Chu đã sai Thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vào kinh lý miền Nam. Để chấm dứt tình trạng lưu dân tự khẩn hoang lập ấp đó,Nguyễn Hữu Cảnh bèn lập phủ Gia Định để coi hai huyện: Phước Long (Biên Hòa) và Tân Bình (Sài Gòn). Diện tích rộng khoảng 30.000 km2. Các nơi đều đặt quan lưu giữ. Mở đất ngàn dặm, được trên 4 vạn hộ. Chiêu mộ dân xiêu tán từ Bố Chánh trở vào Nam cho đến ở, thành lập xã thôn, khai khẩn ruộng đồng, làm sổ đinh, sổ điền. Lại lấy những lái buôn người Hoa sống ở Trấn Biên lập nên xã Thanh Hà, những người ở Phiên Trấn lập nên xã Minh Hương. Trịnh Hoài Đức ghi lại như sau: “*Lấy đất Nông Nại đặt làm phủ Gia Định, lập xứ Đồng Nai làm huyện Phước Long, dựng dinh Trấn Biên; lập xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn. Mỗi dinh đặt chức lưu thủ, cai bộ và ký lục để cai trị*”.[1]

Sau đó tên gọi Sài Gòn được dùng để chỉ các khu vực nằm trong lũy Lão Cầm (năm 1700), lũy Hoa Phong (năm 1731) và lũy Bán Bích (năm 1772), chỉ với diện tích 5 km².

Theo học giả Vương Hồng Sển thì các vị trí mang tên Sài gòn theo thời gian là:

-Prei Nokor, Sài Gòn của Cổ Cao Miên, trước năm 1680,có lẽ ở vùng đồn Cây Mai (Phú Lâm) chạy dài tới vùng Chợ Quán, lối nhà cũ Hội quán Hội Đức Trí Thể Dục (đường Trần Hưng Đạo), ăn luồn lên Gò Vấp và Bà Điểm.

-Đề Ngạn, nơi tụ tập của người Tàu, từ năm 1778, lập ra nay biến thành Chợ Lớn

-Bến Nghé, nơi tụ tập của người Việt, từ năm 1790. Sài Gòn của Việt là vùng gọi “Bến Nghé”. Đó mới là xóm Việt Nam. Bến Nghé, tên gọi “Ngưu Chử” tên khác nữa là Tân Bình Giang; xóm này chạy dài từ khu Chợ Quán tới Hiển Trung Tự và chạy đến Thủy xưởng (Arsenal). Miếu Hiển Trung do vua Gia Long dựng lên để thờ các công thần khai quốc, miễu Hiển Trung vốn ở trong thành Ô Ma.

Cả ba vùng: vùng Miên (Phú Lâm), vùng Tàu (Đề Ngạn) và vùng Việt (Bến Nghé) nối liền nhau nhờ rạch, kinh, sông ngòi nhiều hơn bằng đường lộ đất.

Gia Định lúc đầu chỉ mới là một phủ bao gồm cả Sài Gòn. Phủ lỵ Gia Định được đặt tại thôn Tân Khai (đường Hàm Nghi, Nguyễn Trung Trực) còn gọi là Bến Nghé,thời đó ở cạnh bờ sông là nơi trên bến dưới thuyền tấp nập, vô số thuyền bè lớn nhỏ chuyên chở theo đường sông rạch hay cận duyên mang hàng hóa nội địa đến buôn bán, tạo thành thương cảng rất lớn. Những xóm làng đầu tiên của Sài Gòn là xóm Hòa Mỹ (xóm Thủy Trại, đường Tôn Đức Thắng), Tân Khai (cầu Mống), Long Điền, xóm Than, Bàu Sen (Cây Mai), Lò Bún, Cây Củi, Rẫy Cải, Ụ Ghe…

Nguyễn Hữu Cảnh cho dựng một lũy đất từ phía dưới rạch Thị Nghè lên Chí Hòa, vào gần đến Rạch Cát, để bảo vệ phía Tây Bắc và Tây Nam Sài Gòn; còn phía Đông Bắc và Đông Nam Sài Gòn đã được bảo vệ bởi rạch Thị Nghè, sông Tân Bình và rạch Bến Nghé. Sài Gòn được xây dựng trên khu đất nằm trên ranh giới của hai vùng phù sa cổ, phía Bắc của Sài Gòn là những dãy gò đồi kéo dài từ phía chân cao nguyên Nam Trường Sơn, còn phía Đông (vùng Thủ Thiêm), Nam (Nhà Bè, Cần Giờ) là vùng đồng bằng thấp mà phù sa bồi đắp dở dang.

Những dãy gò đồi ở bờ phía tây sông Sài Gòn đã tạo nên một thế đất cao ráo và vững chắc, thuận tiện cho việc xây dựng một trung tâm hành chính,quân sự. Thành Phiên An, tiền thân của thành Gia Định sau này, được chúa Nguyễn xây dựng trở thành tụ điểm của một hệ thống sông ngòi, kinh rạch dày đặc như rạch Thị Nghè, rạch Bến Nghé, rạch Cầu Kho nối liền với các tỉnh miền Tây. Địa hình thiên nhiên đã đóng vai trò quan trọng để khởi dựng lên Sài Gòn thuở ban đầu.

Sài Gòn trở thành một thị trấn đông đúc với hơn 10 000 dân. Thanh Hà là xã đầu tiên của người Hoa ở vùng Đồng Nai và Minh hương là xã đầu tiên của người Hoa tại Tân Bình. Sài Gòn thành thủ phủ của dinh Phiên Trấn,của tỉnh Gia Định năm 1698 , và là trung tâm hành chính và thương mại vào thế kỷ XVIII-XIX. Sự thịnh vượng với sự gia tăng dân số nhanh chóng ấy nhờ vào các hoạt động của Chợ Lớn, đô thị thứ hai của Sài Gòn, là thành phố thương mại do người Hoa lập ra tập trung buôn bán các sản phẩm từ vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhất là gạo.

Sau khi quân Tây Sơn kéo vào Nam đốt phá thương cảng quan trọng nhất là Cù lao phố (Biên Hòa).Sau biến cố này từ 1776 đến 1779, người Hoa rời Cù Lao Phố, xuôi theo rạch Bến Nghé về hướng tây nam để lánh nạn, và tại đây họ đã lập nên thành phố Đê Ngạn, là một khu vực thuận tiện của giao thông bằng đường thủy. Dưới thời Gia Long, nhà vua đã ưu đãi sự phát triển của thành phố này, nên chẳng bao lâu sau, Đê Ngạn. đã trở nên một khu vực buôn bán sầm uất. Tổng trấn Lê văn Duyệt đã cho thiết lập một giang cảng tại đây và cho xây dựng nhiều kho chứa hàng ở hai bên bờ rạch. Ông cũng cho đào kinh, vừa thuận tiện cho giao thông đường thủy, vừa dẫn thủy nhập điền, vừa giúp thoát nước ra khỏi các vùng trũng ngập nước và các đầm lầy quanh thành phố. Sau khi chỉnh trang, thành phố Đê Ngạn trở thành một thành phố lớn nhất trong vùng, nên người Việt Nam gọi nó là ‘’Chợ Lớn’’, người Hoa gọi là ‘’Đê Ngạn’’ hay ‘’Tây Cống’’. Người Hoa di tản đến vùng Chợ Lớn lập nghiệp, rồi lại bị Tây Sơn đốt phá. Sau đó Chợ Lớn được khôi phục thành trung tâm buôn bán lúa gạo và hàng hóa .

Năm 1788, khi quân Tây Sơn đang bận việc bình định Bắc Hà và đánh quân Thanh, Nguyễn Ánh chiếm được Sài Gòn, định đô gọi là Gia Định kinh.

Sử nhà Nguyễn chép : *‘’Ngày Kỷ Sửu, tháng 3 năm 1790, đắp thành đất Gia Định. Vua thấy thành cũ ở thôn Tân Khai chật hẹp, bàn mở rộng thêm.Dụ rằng: “Vương công giữ nước, tất phải đặt nơi hiểm yếu trước. Nay đất Gia Định mới thu phục, cần sửa thành trì cho bền vững để chỗ dựa được vững mạnh*”.

Nguyễn Ánh thấy lũy đất được dựng lên bởi tướng Tôn Thất Hội tuy vững chắc và rộng lớn những vẫn chưa đủ sức để bảo vệ Gia Định nên giao cho Trần Văn Học và hai sĩ quan Pháp là Puymanel,Le Brun xây thành Bát quái phòng thủ theo kiểu Vauban của Pháp.

Tướng Trần Văn Học đảm nhiệm việc phác họa đường sá và phân khu phố phường đường trong thành. Năm 1790 thành Gia Định được xây dựng, sau 2 năm đã xây dựng đến đất Mỹ Tho … Trong thành Gia Định có các cơ sở như: xưởng Chế Tạo, kho Bạc, kho Đồn Điền, Trại súng, kho thuốc súng. Bên ngoài có các công trình kiến trúc như:xưởng Chu Sư (xưởng Ba son), xưởng Voi,trường thuốc súng, khám đường,Sứ quán ,học đường .kho bốn trấn được xây dựng trên nền cũ của kho quản thảo,trường diễn võ. Le Brun vẽ bản đồ Gia Định kinh với thành bát quái còn gọi là bản đồ Sài gòn năm 1795.

Trần Văn Học vẽ một bản đồ của thành Gia Định năm 1815 trình lên vua Gia Long.Thành này bao gồm phố Bến Nghé (Quận 1) và phố Sàigòn (Quận 5) làm tiêu chuẩn cho việc đô thị hoá thành phố Sài gòn sau này.

Pétrus Ký viết: *Trước khi có thành, ở đất Gia Định chỉ có đồn Dinh, lũy Hoa Phong, sau có lũy Bán bích. Thành này được gọi là thành Quy, xây theo kiểu thành Vauban của Pháp. Tường thành cao 5m20. Trung tâm thành là cột cờ và hành cung, ở vị trí gần nơi ngày nay là nhà thờ đức Bà...*

Theo ông viết thì Sài gòn thời Lê Văn Duyệt làm tổng trấn Gia Định thành (1812-1815 và 1820-1832) : ...Lê Văn Duyệt ở cung Hoàng cung, vị trí của cung này là đường Norodom (nay là Lê Duẩn), phía ngoài thành Gia Định . Vòng ngoài thành, vua Gia Long cũng có xây một ngôi nhà cho giám mục Pigneau de Béhaine (gọi là Evêque d'Adran tức Bá Đa Lộc hay cha Cả) trên đường sau này gọi là rue Richaud (Nguyễn Đình Chiểu) để nhớ ơn cho sự giúp đỡ của ông này trong lúc còn chiến tranh với Tây Sơn. Ngày nay vị trí tòa nhà này là Tòa Tổng Giám mục . Nhà của giám mục Bá Đa Lộc trước đó ở cạnh thành Saigon, vị trí ngày nay là trong khuôn viên sở thú gần viện bảo tàng…

Từ tường của thành Saigon xuống đến bến sông Saigon tức là từ đường Espagne (Lê Thánh Tôn) xuống bến Bạch Đằng là một phần chính của thành phố thương mại xưa của người Việt gồm một số nhà, cửa tiệm xen kẽ với các đường hẻm ít được bảo trì nằm trong địa phận của bốn làng từ cửa rạch Thị nghè (arroyo de l'Avalanche) đến rạch Bến Nghé (arroyo chinois): làng Hòa Mỹ (xưởng Ba son), làng Tân Khai, Long Điền và Trường Hòa, mà giới hạn là đường Mac Mahon (Nam Kỳ Khởi Nghĩa).

Làng Mỹ Hội bao gồm thành Saigon bên trên. Thời kỳ này thì lý trưởng của làng này là một trong những lý trưởng quan trọng nhất của thành phố, ông ta có có quyền hành chính như huyện trưởng. Làng có xây một đình, một chùa hay một nhà họp và nhà vua có gởi người mang ấn chiếu trên một khâm vàng, năm dây vải thắt và các tặng phẩm để khai trương các tòa nhà này. Khu này gọi là Hàng đinh nằm ở phía trên đường Catinat, từ cạnh khách sạn Laval cho đến chỗ ở của giám đốc nội vụ.

Trước Tòa Đô chánh hiện nay (1960) thì thuở ấy có con kinh nhỏ, trên có xây một cái cống, gọi “Cống Cầu Dầu” vì tại xóm chuyên môn bán dầu phộng để ăn và để thắp đèn. Con kinh này, Tây đến thì lấp đi, thay vào con đường Charner cũ, hồi đó cũng gọi là “Đường Kinh Lấp”.Ngã tư Kinh Lấp đụng với con kinh về sau biến thành Đại lộ Bonard (nay là Lê Lợi) hồi thời Pháp, vẫn là xóm sang trọng nhất.

Dọc theo bờ sông Saigon đầy đặc nhà sàn trên cọc dựng trên sông. Ở cuối đường Catinat nơi bến phà Thủ Thiêm có một nhà "Thủy các" (nhà sàn của vua),"lương tạ" (nhà tắm) của vua được xây trên những bè nổi làm bằng tre. Người ta gọi chỗ này là Bến ngự (Kompong Luong), tức bến của vua. Từ cửa rạch Thị nghè đến đường thành Saigon là các xưởng đóng tàu thuyền . Từ bờ chạy ra sông có một bến gọi là "Cầu gọ" hay "Cầu quan".[3]

Trước khi đến pháo đài trước thành Saigon là một rạch nhỏ gọi là Kinh Cây Cám, kinh này lên đến tận đường Lê Thánh Tôn (rue d'Espagne), băng qua pháo đài đến thành. Kinh chợ Saigon là Kinh chợ vải, chạy lên đến tận giếng nước cùng tên, đối diện với nhà của ông Brun, người làm và bán yên ngựa.

Sĩ quan người Mỹ la John White có đến Sài gòn khoảng 1819-1823, ông ghi lại như sau: “ *thành phố Saigon lúc đầu là ở phía cực tây của địa điểm gần thành Saigon. Tức là Chợ Lớn thành lập trước và là Saigon xưa. Vì thế phía Chợ Lớn có những kiến trúc cao tốt đặc sắc hơn. Một vài con đường ở Chợ Lớn được lót bằng đá phiến; các bến tàu làm bằng gạch dài gần một dặm dọc theo sông. Thành Saigon và xưởng hải quân, trừ một vài chòi cho các thợ máy, là duy nhất có cư ngụ ở phần phía đông; nhưng sau khi chiến tranh Nguyễn Ánh - Tây Sơn chấm dứt, dân cư phát triển nhanh chóng về phía đông cho đến khi cả hai nơi trở thành một thành phố, lên đến bên kia rạch Thị nghè bao bọc thành Saigon và công xưởng hải quân.”…."Ở phía tây của thành phố, một sông hay kênh vừa được đào chưa hoàn tất khi chúng tôi đến, dài 23 dặm Anh, nối với một nhánh của sông Cam Bốt, từ đó thông thương qua đường thủy với Cam Bốt, mà người Việt gọi là Cou-maigne (Cao Miên). Kinh này sâu 12 feet (5m), rộng 80 feet (32m), được đào xuyên qua rừng đầm lầy lớn bao la, trong vòng 6 tuần. Hai mươi sáu ngàn dân công, ngày và đêm đào công trình vĩ đại này, với 7 ngàn người chết vì cực nhọc hay bệnh. Hai bên bờ kinh này đã được trồng các cây hoa bông sứ, là cây mà người Việt rất thích."*

Kinh này là kinh An Thông Hà do Huỳnh Công Lý xây theo lệnh vua Gia Long. An Thông Hà, thay thế Kinh Ruột ngựa (Mã Trường Giang) đã bị cạn lấp, nối rạch Tàu Hủ xuống sông Rạch Cát và từ đó xuống Cần Giuộc, Tân An và sông Vàm Cỏ và các tỉnh miền Tây.

Bác sĩ người Anh là Finlayson (1821) đến viếng Sài gòn có mô tả về chợ Bến Nghé như sau:“*Những sản phẩm mà người bản xứ dùng đều có rất nhiều ở mọi cửa hàng. Có lẽ không có nước nào sản xuất nhiều trầu hay cau như nơi này. Lá trầu ít dồi dào hơn; cá khô và tươi; gạo, khoai lang chất lượng rất tốt; ngô bắp Ấn độ (Indian corn), măng (tre) đã được nấu chín; hạt lúa đã nảy mầm, đường thô, chuối lá, cam, bưởi, mãng cầu, lựu, và thuốc lá, có rất nhiều. Heo được bán ở tất cả các cửa tiệm, và gà trong tình trạng tốt đều bán rất rẻ. Thịt cá sấu(*) rất được chuộng, và người thông ngôn Hoa kiều của chúng tôi nói rằng ở đây cũng có bán thịt chó. Các cửa tiệm rộng đủ thuận tiện, trong đó các hàng được trưng bày thuận lợi nhất. ...Vải bông rất hiếm. Vải kếp đen, satin và lụa duy nhất là được dùng; đa số là được*

sản xuất từ Trung quốc và Bắc kỳ (Tonkin), ở đây hầu như rất ít hay không có kỹ nghệ chế tạo nào."

Năm 1832, vua Minh Mạng sau khi dẹp loạn Lê Văn Khôi, cho phá hủy thành Bát quái và vào năm 1837 cho xây lại thành Phụng nhỏ hơn, nhà vua cho đổi trấn thành tỉnh thuộc trung ương |Huế.

Tổng Đốc Tịnh Biên và Tổng Đốc Long Trường điều khiển việc xây thành Gia Định mới theo kiểu thành Vauban nhưng nhỏ hơn, không kiên cố bằng thành cũ và chỉ có bốn pháo đài bốn góc so với tám pháo đài của thành Bát Quái cũ.Thành này chỉ tồn tại từ 1836 đến 1859 khi quân Pháp tấn công Sài gỏn.

Ngày nay, vị trí của thành Phụng nằm trong bốn con đường: Nguyễn Du là mặt trước; Nguyễn Đình Chiểu mặt sau; Nguyễn Bỉnh Khiêm ; Mạc Đĩnh Chi.

Từ năm 1834, đất Gia Định thành được gọi là Nam kỳ, gồm 6 tỉnh, vì vậy còn được gọi là Nam kỳ lục tỉnh.

Theo cuốn "Annuaire de la Cochinchine" in năm 1865, vùng Sài Gòn có được 40 làng ở dài theo sông Bến Nghé và chung quanh Quy Thành.

Trương Vĩnh Ký ghi lại trong "Souvenirs historiques", đại khái chung quanh Sài Gòn xưa có những làng như Hoa Mỹ, Tân Khai,Long Điền, Mỹ Hội, Nam Chơn, Long Hưng, Cầu Kho, Chợ Quán, Tân Kiểng, An Bình, Hòa Nghĩa, (Trường Thi)…

Thành phố Sài Gòn thuộc vùng đất thôn Mỹ Hội, bắt từ mé kinh cây Cám chạy đụng ranh làng Tân Khai, còn gọi là Chợ Sỏi, hoặc Vàm Bến Nghé,giáp ranh đường Trường Tiền (đường mé sông lối Cầu Mống). Hồi xưa, đường mé sông nhà cửa đông đúc trên bờ, dưới sông,liền nhau.Khúc sông Bến Nghé ngay lối rạch Ông Bé sấp vô trong Chợ Lớn, có xóm Lò Vôi. [3]

Dài theo bờ sông Bến Nghé, nhà phố dân cư đều cất bằng gỗ tạp, tre nứa và lợp bằng lá "cần đóp" (lá lợp nhà theo kiểu Cao Miên) hoặc lợp bằng tranh. Nhà thì làm theo kiểu nhà sàn, nửa phần ở trên đất liền quay mặt ra lộ, nửa phần de ra mặt nước, tắm rửa giặt dũ rất tiện, thêm được cái vừa rẻ tiền vừa hạp vệ sinh.

Trước khi người Pháp đến, địa hình phạm vi Sài Gòn gồm một vùng cao ở phía Bắc, trải dài từ vùng lũy thành Sài Gòn đến vùng Mả Ngụy, nơi cư dân hầu hết là các nhà phú hộ , phần đất còn lại là đồng ruộng, ao đìa. Dân nghèo sống chen chúc dọc theo rạch Bến Nghé trong các căn nhà nhỏ nửa đất nửa sàn. Giao thông trên bộ thời bấy giờ chủ yếu một số lô đất nhỏ được đắp cao lên vừa quá mức lúc nước lên. Chợ Bến Thành có mặt từ trước những ngày Pháp chiếm Sài Gòn, nhưng chỉ là một ngôi chợ nhỏ nằm bên bờ sông Bến Nghé và sát cạnh thành Gia Định xưa. Lúc đó chợ được xây bằng gạch, khung gỗ và lợp tranh. Năm 1870, chợ bị cháy một phần nhưng vẫn hoạt động.

Ngay sau khi chiếm được thành Gia Định vào năm 1859, quân Pháp đốt cháy kho tàng, phá hủy thành Gia Định và rút ra để tránh quân triều đình nhà Nguyễn tấn công đánh chiếm lại thành.Kho lúa lương thực cháy cả tuần và âm ỉ cháy sau đó.Thành phố chung quanh thành Sài Gòn và các nhà gần sông, rạch Thị Nghè, rạch Bến Nghé bị hủy do chiến tranh và cũng do dân chúng bỏ đi đã tự đốt cháy tất cả khi quân Pháp đánh chiếm Sài Gòn, chỉ có khu Chợ Lớn là không bị thiệt hại gì.

Nơi này trước đây có khoảng 50.000 dân. Sau 1859 chỉ còn khu vực Chợ Quán, giữa thành Sài Gòn và Chợ Lớn, là vẫn còn hiện diện có cư dân tập trung, nơi đây là

xóm của những người theo đạo trước đây, họ đã không bỏ đi khi quân Pháp đến Sài Gòn. Lúc đó Sài Gòn chỉ còn 5 đến 6.000 người.

Không lâu những làng cũng được được tái lập từ những người di tản chiến tranh trở lại định cư ở giữa vùng Chợ quán và vùng cao về phía giữa Kì Hòa, cánh đồng mộ và thành Saigon cũ (5 làng) và ở rạch Thị Nghè 4 làng.Khắp Sài Gòn (Bến Nghé) và Đề Ngạn (Chợ Lớn), lối 1860, có rất nhiều con kinh đào tay, tuy bẩn thỉu nhưng thuở đó rất cần ích. Về sau, lần lần các kinh bị lấp mất , nhường chỗ cho Sài Gòn tân thời gọi là "Hòn ngọc Viễn Đông".

Léopold Pallu de la Barrière, phụ tá của đô đốc Charner người Pháp theo chân đoàn quân viễn chinh, đã mộ tả Sài Gòn trong quyển Lịch Sử Cuộc Viễn Chinh Ở Nam Kỳ vào năm 1861 như sau: "*Đường phố băng xuyên qua vùng trũng thấp, nhà phố ẩm thấp, nghèo nàn, đó là Gia Định Thành mà ngày nay chúng ta gọi là Sài Gòn. Chắc có lẽ một ngày nào đó, nó sẽ trở thành một thành phố tráng lệ và đông dân cư tại những nơi mà người ta hiện còn thấy dấu vết của làng mạc bị chiến tranh tàn phá."*[4]

Đề đốc Jauriguiberry giữ chức thống đốc thành Sàigòn, người Pháp xây dựng một nhà tạm làm dinh đề đốc, một binh viện cho binh lính,một nhà thờ,và một nhà in để in thông cáo và sách vở. Các cơ sở này được dựng lên trong vùng gần nhà thương Đồn Đất. Không quen với khí hậu nhiệt đới,bệnh tật, cuộc sống không vệ sinh của các làng mạc thôn quê ở Sài gòn lúc mới đến,người Pháp đã quy hoạch lại Sài Gòn thành một đô thị lớn kiểu Tây phương để phục vụ cho việc thiết lập các cơ sở hạ tầng, xây dựng công thự, các công trình công cộng ,thích hợp với đời sống của họ và hoạt động thương mại Tây phương ,họ đã thành lập hải cảng Sài Gòn từ năm 1860 cho thương mãi và tàu chiến. Người Pháp cho sửa sang đường sá, mở rộng và cao ráo, các dinh thự bằng gỗ được dựng lên ở khu chung quanh Banque de Indochine (Ngân hàng quốc gia).

Cuối thế kỷ 19 ở miền Nam, một thời kỳ có nhiều thay đổi lớn khi Pháp đánh chiếm 6 tỉnh Nam kỳ. Trí thức, sĩ phu, triều đình người Việt lúc ấy không để ý đến những vấn đề doanh nghiệp, kinh tế, thương mại...Thương nhân người Hoa Wang-Tai (Vương Đại) đến Sài Gòn-Chợ Lớn lập nghiệp vào năm 1858, nổi tiếng vì có một ngôi nhà lớn và đẹp nhất Sài Gòn nằm ngay tại bờ sông ở cảng Sài Gòn (nay là bến Bạch Đằng). Nhà Wang-Tai đồ sộ xây bằng gạch lớn hơn cả dinh thống đốc lúc bấy giờ vốn chỉ là một ngôi nhà gỗ mua ở Singapore chở sang Sài Gòn rồi ráp lại. Ông Anatole Petiton đến thăm Sài Gòn, đã viết về đời sống, sinh hoạt của thành phố trong sách "*La Cochinchine française: la vie à Saïgon, notes de voyage*"(1883) như sau :"Khi đi tàu đến cảng Sài Gòn, du khách có thể thấy hai nhà nổi bật là nhà Rồng (messageries maritime) và nhà của ông Vương Đại, xây hầu như ở giữa góc điểm của rạch Bến Nghé và sông Sài Gòn .[4]

Từ nhà của ông Vương Đại về hướng cảng thương mại Sài Gòn, dọc theo rạch Bến Nghé (Arroyo chinois) là các xưởng làm gạch và ngói do ông Vương Đại quản lý. Trong các viên ngói đỏ hơn trăm năm trên nóc Nhà thờ Đức Bà ở Sài Gòn, một số viên làm từ các xưởng gạch này của ông, số còn lại là nhập từ Pháp.

Khi người Pháp đến Sài Gòn năm 1859,hình ảnh đầu tiên trong mắt họ là một cái chợ tại ngã ba của kinh Bến Nghé và sông Sài Gòn (Chợ Cũ), gần một ngôi chùa giữa một khu dân cư sống trong các căn nhà lá. Dọc bến sông (Bến Bạch Đằng) và kinh Bến Nghé có hai đường phố dài và có nhà lợp ngói hai bên, sau mỗi nhà đều có cửa hàng dựng trên cột lấn ra sông, tất cả các ngôi nhà cũ này đều bị phá hủy khi Pháp quy hoạch và xây dựng lại Sài Gòn.

Một con đường đắp đất đỏ nối bờ sông Sài Gòn với một cái đồi nhỏ tương đối cao ráo, chính là tiền thân của con đường Catinat có căn nhà gỗ trên đường này năm 1863 theo Trương Vĩnh Ký.Vùng này vốn là một phần của thành phố thương mại của của nước Đại Nam, lác đác nhà và cửa hàng, nằm trong vùng đất của bốn ngôi làng từ kinh Thị Nghè tới kinh Bến Nghé, đó là làng Hòa Mỹ, Tân Khai, Long Điền và Trung Hòa, ranh giới nằm ở con đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa ngày nay. Cảnh tượng người đi lại buôn bán lẻ và số ghe thuyền đậu ở bến đã đem lại cho Sài Gòn bấy giờ một tầm quan trọng .

Ngày 22/2/1860, Đô đốc Page tuyên bố hải cảng Sài Gòn chính thức mở cửa. Ngày 25/8/1862, bộ luật của thương cảng được công bố: "T*ất cả tàu biển, trừ tàu Pháp và Y Pha Nho, đều phải nộp thuế bỏ neo, tính 50 xu trên 1 tonneau hàng*". Sài Gòn được mở cửa, tàu bè các nước ra vào buôn bán, thương vụ mỗi ngày một tăng. . Ngày 23/11/1862, chiếc tàu chạy bằng hơi nước đầu tiên hoạt động khai trương đường biển Pháp – Sài Gòn.

Khoảng giữa năm 1861,Rodolphe Lindau, một tùy viên của tòa đại sứ Phổ (nay la Đức) đã mô tả Sài Gòn như sau:*”một làng quê khốn khổ với những căn nhà chòi lợp lá dừa nước nghèo nàn, không có tòa nhà công cộng hay tư nhân lớn nào thu hút sự chú ý của du khách”* và :

... “Sài Gòn không tương xứng với danh nghĩa kinh đô hoàng gia. Đó chỉ là một làng mạc nghèo nàn, gồm nhiều chòi lá, không có lấy một biệt thự hay công ốc nào đáng được du khách lưu ý đến. Để giải thích một thành phố như thế, đã trở thành trung tâm của một chánh phủ và trung tâm thương mại thịnh vượng, người ta phải nhớ rằng lúa gạo giữ vai trò quan trọng ở Nam Kỳ, hầu hết đều do nhóm lưu dân người Hoa nắm giữ. Họ sinh sống tập trung ở một thành phố riêng biệt, thành phố người Hoa cách vùng Bến Nghé khoảng 6 cây số.” Kỳ thật, thành phố người Hoa nầy mới chính là vùng Prei Nokor thuở trước, và những người Hoa lánh nạn chiến tranh giữa Nguyễn Ánh và Tây Sơn ở vùng Cù Lao Phố đã chạy về đây lập nên từ năm 1776. Người Hoa đặt tên cho thành phố nầy là “Tài Ngon” và sau nầy người Pháp đã đọc trại ra làm “Sài Gòn”.

Léopold Pallu de la Barrière tả về đường Catinat năm 1861 như sau: *Kẻ lữ khách mới tới Sài Gòn sẽ thấy bên phía hữu ngạn của con sông một kiểu đường mà hai bên thường bị ngắt quãng bởi những khoảng không gian trống. Các căn nhà, đa số bằng gỗ, lợp lá dừa nước; một số ít ngôi nhà khác được xây bằng đá. Mái ngói đỏ của những ngôi nhà này cũng làm vui mắt kẻ đi đường” ...Một khu lớn họp thành chợ...Hàng nghìn ghe thuyền chen chúc trên sông làm thành phố nổi nhỏ..*

Ngày 11/4/1861, đô đốc Charner ký nghị định xác định địa giới thành phố Sài Gòn gồm phía đông là sông Sài Gòn, phía bắc là rạch Thị Nghè, phía nam là rạch Bến Nghé, phía tây từ chùa Cây Mai đến đồn Kỳ Hòa, diện tích khoảng 25km2 theo

địa giới quy hoạch của Nguyễn Cửu Đàm năm 1772. Ngày 29/9/1861 đánh dấu tờ báo đầu tiên ra đời ở Sài Gòn là tờ Le Bulletin officiel de l'Expédition de la Cochinchine (Nam Kỳ viễn chinh công báo).

Năm này , thành phố Chợ Lớn đã có 40000 dân, với 400 nhà ngói với phong cách Trung Hoa. Ban đêm họ để đèn dầu phộng soi sáng toàn thành phố suốt đêm. Từ năm 1862, hai thành phố Sài Gòn và Chợ Lớn được xây dựng song hành, đến năm 1864 thì hai thành phố gần như liền nhau.

Năm 1862, có 11 khu dân cư trở lại với khoảng 8.000 dân. Ngoài người Việt, năm 1864 có 6.000 người Hoa, hầu hết là nghề buôn bán sống trong khu vực từ gần bờ sông, kinh rạch đến khu Thuận Kiều về hướng Củ Chi và khoảng 200 người Ấn sống nghề nuôi gia súc và lái xe ngựa.

Năm này, sĩ quan Pháp là Coffyn lập một dự án quy hoạch mang tên ông là dự án "Thành phố Sài Gòn với 500.000 dân".Đô đốc Bonard thực hiện phân lô vùng Bến Nghé thành nhiều phần và bán với giá rẻ cho dân chúng. Nhiều gia đình đã định cư lâu đời nhưng không mua nổi đất mới nên phải dời chỗ ở đi nơi khác.

Trại thủy quân của nhà Nguyễn được biến thành công xưởng Ba Son,và hoạt động vào năm 1863.

Đến năm 1864, nhận thấy diện tích dự trù của thành phố quá rộng,khó bảo đảm về an ninh, đô đốc Roze quyết định tách Chợ Lớn khỏi Sài Gòn. Theo quy hoạch ngày 3/10 /1865, thì Sài Gòn chỉ còn là khu vực rộng khoảng 3 km²,giới hạn bởi rạch Thị Nghè, sông Sàigòn ,rạch Bến Nghé và khu Cầu Ông Lãnh. Pháp xây dựng nên hai thành phố riêng biệt, Sài Gòn và Chợ Lớn, cách nhau bởi một số ruộng bưng, ao đầm ở vùng Chợ Quán.. Lúc đó chỉ có 577 người Pháp ở Sàigòn mà 80 là phụ nữ.

Vùng đất Sài Gòn lúc đó là vùng đất trũng,có nhiều kinh rạch cho nên khi Pháp chọn Sài Gòn làm trung tâm hành chính,thương mãi, mở mang phố chợ thì phải đào lấp các kinh rạch này. Trước tiên họ cho đào nhiều kinh ở các chỗ trũng thuộc vùng thấp của thành phố vừa để tạo điều kiện cho ghe thuyền lưu thông thuận lợi, vừa có tác dụng tháo nước của các vùng đầm lầy đồng thời lấy đất lấp các vùng trũng khác. Khi các công trình đầu tiên được xây dựng trên những khu vực vừa được san lấp, người Pháp cho san bằng vùng đồi phía Bắc Sài Gòn, lấy đất lấp các con kinh đào. Lúc ấy để thiết lập cơ sở thương mại và giao thông, các bờ sông được nâng cao; công binh đã san bằng các điểm cao (2 hay 3 m) trên vùng cao giữa thành Sài Gòn và cánh đồng mả. Các điểm cao này bị san bằng và đất được dùng để lấp các vùng thấp. Khi độ dốc trở nên đều hơn thì các đường bắt đầu được thiết kế, cắt thẳng góc nhau. Đầu thập niên 1860, nhiều con đường lớn bắt đầu xuất hiện, năm 1861, địa phận Sài Gòn được giới hạn bởi một bên là rạch Thị Nghè và rạch Bến Nghé với một bên là sông Sài Gòn cùng con đường nối liền chùa Cây Mai với những phòng tuyến cũ của đồn Kỳ Hòa.

Những con lộ lớn này được lát đá và trồng các cây lớn dọc hai bên, các nhà dọc đường rất ít và xây lên rất chậm; bởi vì người Pháp đến định cư còn rất ít và vật liệu rất thiếu nên chỉ xây các nhà cây. Các công chức sống trong nhà giống người Việt và ngay cả thống đốc chỉ có dinh bằng gỗ, được mua từ Singapour, tháo gỡ ra trước khi chở đến Sài Gòn để ráp lại. Dinh gỗ này ở vị trí góc đường rue Taberd (Nguyễn Du)

và rue Imperiale (route Nationale, rue Paul Blanchy tức Hai Bà Trưng) trong địa phận của trường Taberd.

Năm 1865, các tòa nhà dọc sông Sài Gòn được xây dựng cho hãng tàu biển (Messageries maritimes) mà tòa nhà lớn, trụ sở của công ty, là nhà Rồng.

Sau hai năm xây dựng bộ mặt Sài Gòn đã thay đổi hẳn. Các vùng trũng đầm lầy, những đường mòn được thay bằng những con đường nhựa phẳng rộng thoáng, hai bên có trồng cây xanh.

Năm 1863, Bến Nhà Rồng được khởi công, năm 1864 thì được khánh thành và hoạt động. trại thủy quân của nhà Nguyễn thành công xưởng Ba Son,hoạt động vào năm 1863

Các công thự do Pháp thiết kế cho việc cai trị của thành phố được dựng lên nhanh chóng, như dinh Thống đốc (dinh Gia-long 1864),Dinh Toàn quyền (Hội trường Thống Nhất,1873) , dinh Thượng thư (sở nội vụ,1864), Xã Tây (toà đô chính, 1898),Nhà hát Tây (Quốc hội cũ, 1900), nhà Bưu điện (1891), tòa án ,khám lớn (đại học văn khoa,1900), toà giám mục,Vườn Bách thảo được lập ra năm 1864, sau đó là nhà thờ Đức bà 1880 ,Thư viện Sài Gòn 1882,chợ Bến Thành 1911…

Năm 1867,việc quản lý Sài Gòn được giao cho Ủy ban thành phố gồm một ủy viên và 12 hội viên; đứng đầu là viên Thị trưởng người Pháp tên là Charles Turc .

Kinh Chợ Vải được đào, từ sông Sài Gòn, gần đầu rạch Cầu Sấu (nay là Hàm Nghi) đến Nhà hát Thành Phố, ra rạch Thị Nghè bằng kinh Coffyn, sau bị lấp thành đường Bonard (đường Lê Lợi) . Trên bờ kinh này có chợ Vải chuyên bán vải vóc. Năm 1911, chợ này được dời về vị trí mới, chỗ vũng ao đầm vừa được lấp lại,tức là chợ Bến Thành ngày nay được xây dựng vào năm 1911. Trước đó chợ Bến Thành nằm ở mé sông, đầu các con đường lớn, ghe thuyền có thể cập bến, thuận tiện bốc hàng lên chợ. Chung quanh chợ có nhiều cửa hàng của người Việt, Hoa, Ấn, Pháp.

Chỉ trong vòng hơn 10 năm khi Pháp thiết lập chính quyền và mở cửa tự do kinh doanh cảng, khuyến khích thương mại, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, các doanh nhân người Hoa ở vùng Sài Gòn - Chợ Lớn đã làm giàu nhanh chóng,nhờ tài kinh doanh trên thương trường.

Trong số hội viên của Phòng Thương mại năm 1886, ở Sài Gòn, đa số là người Pháp,còn có hai hội viên người Hoa là ông Vương Đại và Ban-Hap, và một hội viên người Việt duy nhất là ông Nguyễn Trọng Tạo [Annuaire 1888]. Ông Vương Đại có các xưởng làm ngói,làm đồ gốm, ruộng lúa và nhiều nhà cửa, văn phòng ở Sài Gòn - Chợ Lớn đến nỗi chính quyền Pháp phải mướn nhiều nhà của ông để làm trụ sở hành chính: 1 nhà 3 tầng ngay bến thương mại Sài Gòn,1 nhà ở đường Canton (đường Triệu Quang Phục) Chợ Lớn làm văn phòng điện tín ,1 nhà ở Bình Tây (Chợ Lớn) làm trạm cảnh sát. Ngoài các cơ sở làm gạch và đồ gốm, ông Vương Đại còn có những khu ruộng lúa lớn ở Phước Lộc mới khai hoang để trồng lúa gạo.

Ông Andrew Spooner, là thương gia Mỹ đầu tiên ở Sàigòn, có nhà máy xay lúa chạy bằng hơi nước đầu tiên ở Chợ Lớn. Từ năm 1858 ông đã qua Á châu làm thuơng gia ở Singapore , sau đó đến Saigon. Hai năm sau ông làm ký giả cho báo “l’Ilustration” ở Nam kỳ năm 1861, theo quân Pháp đánh Biên Hòa ngày 9/12/1861 và viết bài trên báo “l’Illustration”. Thời đầu Pháp ở Saigon, ông được cử làm Ủy

viên Sở quan thuế từ năm 1870 đến năm 1882 và cũng là hội viên của Hội đồng tư vấn thuộc địa.

Ngay từ lúc sau khi kiểm soát được Gia Định năm 1861, đô đốc Bonard đã cho xây dựng bệnh viện quân y (Hôpital Militaire) đầu tiên ở góc đường Hai Bà Trưng – Lê Duẩn ngày nay (Khi đó đường Hai Bà Trưng chưa được đặt tên,chỉ có số là 14). Vị trí bệnh viện đầu tiên của Sài Gòn này nằm ở đối diện với đại sứ quán Pháp hiện tại. Tuy nhiên cơ sở bệnh viện này chỉ là tạm bợ, vì vài năm sau, cùng lúc với việc xây thành pháo thủ vào khoảng năm 1870 (dân gian gọi là thành Ông Dèm, xây trên nền thành Gia Định cũ đã bị phá 10 năm trước đó), bệnh viện Quân Y được xây dựng tại nơi cách vị trí cũ chỉ khoảng 100m về hướng Đông Nam, trên con đường mang tên là Gouverneur, đến khoảng năm 1872 thì đổi lại thành Lagrandière (đường Gia Long, nay là đường Lý Tự Trọng).Năm 1925, Hôpital Militaire (bệnh viện quân y) đổi thành bệnh viện đa khoa và đổi tên thành Hôpital Grall (Bệnh viện Grall,hay Nhà thương Đồn Đất).

Cũng theo mô tả của ông Petiton thì kinh Chợ Vải dài khoảng vài trăm thước (kênh *Rigault de Genouilly*, sau là kinh *Charner*), bắt đầu từ sông đi vào thì ở phía bên phải là các ngôi nhà của người Âu và một vài nhà người Hoa và Ấn Độ (hay là *malabar*), bên trái là các ngôi nhà, chợ và những cửa hàng khác của người Hoa. Kinh chấm dứt ở khoảng nhà thờ. Ở phía trên phần kéo dài của kênh, hai bên có chỗ chơi trò chơi Bowling (một thứ trò chơi của người Anh) rất hợp với việc giải trí lúc chiều tối. Nhà thờ lúc bấy giờ do đô đốc Bonard cho dựng dọc kinh chợ Vải năm 1863 sau khi vừa chiếm xong hoàn toàn Sài Gòn - Gia Định, được làm bằng gỗ hoàn thành năm 1865 chỉ là một nhà thờ tạm thời. Người Pháp đang xây một thánh đường lớn gần dinh thống đốc mới xây. Trong nhà thờ, ở gần điện thờ là các ghế ngồi dành cho người Âu, ngoài ra là các bục bằng gỗ. Người Ấn có ba đền thờ ở Sài Gòn: hai đền thờ Hồi giáo và một đền thờ Ấn giáo.

Cuối thế kỷ 19, trên khu phố chính Sài Gòn như đường Catinat (Đồng Khởi), người Hoa đã có nhiều cơ sở doanh thương hơn người Việt. Chung quanh ngôi biệt thự của ông Vương Đại, trước khi Pháp đến đã có iệm vải, tiệm may đồ, hàng thủ công, tiệm sửa giày, sửa đồng hồ, hàng nước ngoài mà ngay cả người Pháp cũng đến mua, chưa kể ban đêm các nhà trên đường sau biệt thự ông Vương Đại là các sòng đánh bạc. Ngoài ông Vương Đại, còn có các doanh nhân người Hoa giàu khác như Apan, Atho, Ban-Hap, ... Cửa hàng của người Hoa ở đường Catinat, đường Rigault de Genouilly dọc kinh chợ Vải, nối đến đường rue d’Adran, đều mở cửa đến 9 giờ đêm. Đường rue d'Adrian (đường Hồ Tùng Mậu) là khu buôn bán tấp nập có nhiều cửa hàng người Hoa, Ấn nằm kế khu vực Chợ Sài Gòn cũ. Chợ này nằm dọc kinh Charner (kinh chợ Vải), nay gọi là chợ Cũ.

Còn các xe ngựa công cộng thì được điều khiển bởi những người Ấn từ vùng bờ biển Malabar, Pondichéry (thuộc địa của Pháp ở Ấn Độ) hay từ Singapour. Vì người ta thường thấy họ đánh xe ngựa công cộng ở Sài Gòn nên họ gọi loại xe ngựa này là xe Malabar. Những người malabar giỏi chăm sóc ngựa ,họ cũng làm nghề chăn nuôi bò và bán sữa.

Ở Sài Gòn ngay cả vào những thập niên đầu thế kỷ 20, vẫn còn thấy nhiều con bò ăn cỏ ở một số lề đường công viên gần trung tâm thành phố do người Ấn nuôi.

Họ còn làm nghề là đổi tiền. kiếm lãi cao. Họ làm dịch vụ thương mại này với người Hoa ở Chợ Lớn, vì người Hoa thường cần một số lượng tiền đồng (piastre) lớn để có thể mua nhiều gạo từ các tỉnh. Họ còn làm nghề giữ cổng hay cảnh sát. Cộng đồng người malabar là cộng đồng công nhân làm lụng và rất cần kiệm: tiền họ kiếm được thường được cất dấu và không xuất ra nữa. Họ có thể lực tốt: cao, khỏe và thon. Họ thường đeo đồ trang trí ở cổ tay, trên cổ, cổ chân, tất cả đều bằng vàng thật; đối với họ đồ trang trí giả bị cấm dùng.

Năm 1868, tuyến xe điện đầu tiên ở Việt Nam dài 5 km nối liền Sài Gòn và Chợ Lớn hoạt động.Năm 1882, thành lập Thư viện Sài Gòn.

Cho tới năm 1870, thành phố Sài Gòn vẫn nằm trong địa hạt hành chính tỉnh Gia Định.Ngày 15/ 3 /1874 tổng thống Grevy ký sắc lệnh thành lập thành phố Sài Gòn. Thị trưởng đầu tiên của thành phố là G. Vinson.Năm 1879 thì Pháp cho lập thêm Hội đồng thành phố Sài Gòn ngày 4/4/1867 của Thống đốc De La Grandière.

Ngày 8 / 5 /1862, Pháp thành lập trường Thông ngôn (Collège des Interprètes), Pétrus Ký được nhận vào dạy. Năm 1873, người Pháp mở trường Hậu bổ (Collège des Stagiaires) để đào tạo những công chức trong bộ máy hành chính thuộc địa. Trường trung học đầu tiên của Sài Gòn, được thành lập năm 1874, là Collège Chasseloup-Laubat. Sở Học chính Nam Kỳ chỉ được thành lập vào năm 1879, năm chính quyền Nam Kỳ được chuyển giao cho các thống đốc dân sự, cùng với một chương trình giáo dục Pháp-Việt.

Năm 1874 không kể Chợ Lớn và vùng phụ cận, dân số tăng lên 13.448 người gồm 965 người Âu, trong đó 913 ngươời Pháp, 6.246 người Hoa, 5.595 người Việt… Người Pháp cho thiết lập khu vực cư trú và cai trị riêng cho mình với các dinh thự, nhà cửa lên đến hàng trăm căn tại Cité blanche (Thành phố Trắng) - khu vực quanh đường Catinat và khách sạn Continental.

Sau hòa ước Giáp Tuất 1874 ký với Triều đình Huế, số người châu Âu, nhất là người Pháp đến Sài Gòn, ngày càng đông. Vào thập niên 1880,có khách sạn của Pháp ở Sài Gòn là Favre và khách sạn Wang Tai của người Tàu. Các khách sạn này nằm trên đường chính là Catinat (Tự Do ,Đồng Khởi) giới hạn bởi hai con đường Bonard (Lê Lợi) và d’Espagne (Lê Thánh Tôn). Đó là một trong những nơi náo nhiệt nhất Sài Gòn lúc bấy giờ.

Sự hiện diện của một số người Âu sống trong khách sạn hoặc thuê nhà riêng làm phát sinh một số nghề mới trong cư dân bản xứ như nghề làm bếp được chủ Tây gọi là bồi. Đầu bếp nấu ăn cho Tây thường là người gốc Hoa. Họ làm quen cách nấu ăn của Tây và biết chiều theo sở thích của chủ.

Năm 1878, khách sạn Continental Palace được lập lên tại một khu đấtđắt giá: Nằm giữa hải cảng Sàigòn và Nhà Thờ, trên đường Catinat là con đường trung tâm quan trọng thời bấy giờ, bắt đầu từ ngọn đồi cao nhất đi xuống phía bờ sông.Đây là khách sạn có lịch sử lâu đời và nổi tiếng nhất Sài Gòn, vẫn còn lại đến ngày nay sau hơn 140 năm. Kiến trúc và trang trí của Continental Palace được xây theo tiêu chuẩn của một khách sạn hạng sang tại Paris, rất được người Tây phương ưa thích khi đến Đông Dương. Ông M Franchini là một thương gia người Pháp gốc Corselà con rể của Đốc phủ Lê Văn Mầu ,mua lại khách sạn này năm 1930. Đến năm 1975, Coninental

Palace bị “quốc hữu hóa”, Philippe Franchini trở về Pháp, trở thành giáo sư,sử gia có viết sách Continental Saigon (1976) in tại Paris.

Nhà thờ Đức Bà được xây dựng trước Continental Palace một năm, viên đá đầu tiên do Đức Giám mục Isidore Colombert đặt . Cả hai công trình được hoàn thành vào khoảng giữa năm 1880.

Năm 1896, dân số là 44.764, tăng lên hơn 3 lần (trong đó có 3.258 người Âu, 13.801 người Hoa, 26.411 người Việt ….

Năm 1884, kinh Coffyn được lấp từ vị trí nay là đường Lê Lợi đến đường Mạc Thị Bưởi, phần còn lại được cẩn đá hai bên bờ, cách khoảng có xây bậc thang để vận chuyển hàng hóa lên xuống. Đến năm 1892, đoạn còn lại cũng được lấp thành đường phố, gọi là đường Charner, dân gian gọi là đường Kinh Lấp, nay là đường Nguyễn Huệ.

Đô thị phát triển đến đâu thì kinh rạch bị lấp đến đó. Các kinh rạch bị lấp tạo thành những con đường như sau: đường Espagne (đường Lê Thánh Tôn) ,đại lộ De la Somme (đường Hàm Nghi) ,rạch Cầu Ông Lãnh trở thành đường Kitchener (xóm Lò Heo, đường Nguyễn Thái Học) ,rạch Cầu Kho được lấp thành đường Cầu Kho, (đường Phát Diệm).

Nhiều kinh rạch khác cũng được lấp dần do nhu cầu chỗ ở của người dân, như rạch Cầu Muối, rạch Bà Tiềm, rạch Bà Đô (rạch Xóm Chiếu), rạch Cầu Hộc, rạch Xóm Dầu...

Trong khi đó, con sông Sài Gòn lúc này là đường vận tải chính nhưng lại cong quẹo nên vận chuyển rất tốn kém. Vì vậy nên nhà cầm quyền Pháp quyết định cho đào kinh Thanh Đa, dài 1 km, rộng 40m, sâu 6m. Đào từ 1897 đến 1898. Kinh này vừa mới được mở ra cho thuyền bè qua lại,rút ngắn đoạn sông từ Bình Lợi đến An Phú được 12km.

Để đáp ứng nhu cầu thợ lành nghề, năm 1897 thực dân Pháp cho mở trường Bá Nghệ nay là trường Kỹ thuật Cao Thắng , đào tạo thợ lành nghề có văn hóa phương Tây. Đây là trường kỹ thuật dạy nghề đầu tiên ở Nam Kỳ đã đào tạo các công nhân kỹ thuật đầu tiên của nước ta.

Năm 1902, xây dựng cầu Bình Lợi bắc qua sông Sài Gòn, nhằm xây dựng tuyến đường sắt đi Nha Trang. Năm 1903, tuyến tàu điện nội thành được xây dựng. Năm 1908, dinh Xã Tây được đưa và hoạt động sau 10 năm xây dựng, nay là Trụ sở UBND thành phố.

Năm 1914 ,chợ Bến Thành được xây xong và hoạt động. Cùng năm, gia đình Hui Bon Hoa còn gọi là Chú Hỏa đã tặng mảnh đất gần chợ Bến Thành để xây bệnh viện đa khoa trên đại lộ Bonard gọi tên là Polyclinique Dejean de la Bâtie, dân chúng thường gọi là Nhà thương Chú Hỏa. Từ năm 1955, bệnh viện đổi tên chính thức thành Bịnh viện Sài Gòn, nhưng thường quen gọi tên là Nhà Thương thí (vì nơi đây khám chữa bệnh hoàn toàn miễn phí).

Theo Sơn Nam trong "Bến Nghé xưa" thì khi chợ Bến Thành hoàn tất năm 1914,"*trước mặt còn là ao vũng sình lầy. Giữa Sài Gòn và Chợ Lớn phía đất thấp (…), còn ruộng lúa với người cày, ao nuôi vịt, ngọn rạch cạn. Giữa Sài Gòn và ở phần đất cao còn nhiều chòm tre, cây da, mồ mả to xen vào những đám rẫy trồng rau cải và bông hoa, những xóm nhà ổ chuột; bầy bò dê đi lang thang ăn cỏ*".

Khu Hòa Hưng (Quận 10) cho đến ngã tư Bảy Hiền hiện nay có vô số nghĩa trang, mồ mả. Khu Nguyễn Thiện Thuật, Lý Thái Tổ, Nguyễn Đình Chiểu (Quận 3) toàn nhà lá nền đất xây dựng tạm bợ không theo quy hoạch nào. Khu Quận 4,quận 7, khu Cầu Ông Lãnh, Cầu Kho…sát cạnh chợ Bến Thành đa số là nhà tranh vách lá sơ sài.

Năm 1930, xây dựng tòa nhà chi nhánh Ngân hàng Đông Dương tại Sài Gòn. Tòa nhà được xây dựng rất chắc chắn và đẹp còn mãi đến tận ngày nay. Tòa nhà này tọa lạc tại Bến Chương Dương nhìn ra Bến Nghé, nay là trụ sở Ngân hàng nhà nước và UB Chứng khoán.

Năm 1931 Tổng thống Pháp ra sắc lệnh thành lập khu Sài Gòn-Chợ Lớn. Khu trưởng được Toàn quyền Đông Dương bổ nhiệm quản trị chung cả 2 thành phố này. Chợ Lớn được mở rộng hơn do sáp nhập, trong khi Sài Gòn thì thu hẹp do phần đất thuộc quận 7 ngày nay sáp nhập vào Nhà Bè. Tổng diện tích khu Sài Gòn – Chợ Lớn lúc này là 51 km2.

Theo quy hoạch của Pháp, Sài Gòn khi đó chỉ rộng khoảng 3 km^2; gần bằng một nửa Quận 1 hiện nay (rộng khoảng 8 km^2), bao bọc bởi sông Sài Gòn – Nguyễn Thái Học – Nguyễn Thị Minh Khai – rạch Bến Nghé.

Từ lúc chiếm Gia Định năm 1859 cho đến năm 1954, thực dân Pháp chỉ tập trung tất cả những gì sang trọng, giàu có nhất mà họ có được ở khu vực rộng 3 km^2, nơi mà kiều dân Pháp sinh sống (Quận 1). Dù nhiều lần điều chỉnh địa giới mở rộng, nhưng những phần Sài Gòn mở rộng này (khoảng 50 km^2) vẫn hoang sơ, nhiều đầm lầy.

Dưới thời Việt Nam Cộng Hoà thành phố được mở rộng ra gồm 11 quận ,Sài Gòn được Việt Nam Cộng Hòa chọn làm thủ đô. Năm 1955, Thủ tướng Ngô Đình Diệm đổi tên Khu Sài Gòn -Chợ Lớn thành Đô thành Sài Gòn - Chợ Lớn,và ban hành sắc lệnh ngày 23/3 /1959 ấn định quy chế quản trị Sài Gòn: Tổng thống trực tiếp bổ nhiệm Đô trưởng và các quận trưởng trong đô thành.Trong thời gian 1954 -1960, Việt Nam Cộng Hòa đã đầu tư xây dựng hạ tầng rất nhiều cho Sài Gòn với sự viện trợ của Mỹ. Tuy nhiên những khu phố sang trọng ,đẹp đẽ đều do người Pháp xây dựng từ năm 1940. Năm 2009 Thành phố Hồ Chí Minh có dân số 7.162.864

Ngày nay, trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến 2020 , Sài Gòn đã có những thay đổi nhiều trong hệ thống giao thông và những công trình đô thị hoá như toà Bitexco, Landmark, đường xa lộ Vũng Tàu, đường hầm sông Thủ Thiêm, Bus đường sông, Thuận Kiều Plaza, Bưu điện TP. HCM…các công trình được xây dựng từ thời Pháp thuộc và đã được xếp hạng di tích lịch sử như trụ sở UBND thành phố, Nhà Hát Lớn và Bưu Điện cũng như nhiều ngôi nhà cổ được xây theo phong cách kiến trúc Pháp cũng không tránh khỏi bị phá dỡ. Tuy nhiên, năm 2012, UBND TP. HCM đã xây dựng chương trình bảo tồn di sản kiến trúc và cảnh quan đô thị, bảo tồn các biệt thự tuyệt đẹp ở quận 1 và quận 3 cũng như kho di sản Khu phố Tàu Chợ Lớn. Các kiến trúc cổ thời Pháp thuộc dần dần biến dạng như cảng Ba Son,Thương xá Eden bị thay bằng khu Union Square theo kiểu Đông Âu cũng như cà phê Givral, cà phê La Pagode, nhà sách Xuân Thu, rạp hát Eden, rạp Rex,…Thêm một phần lịch sử bị xóa mất như thời đầu Pháp thuộc đã xóa đi lịch sử Việt nam của thành phố này để dựng lên Hòn ngọc Viễn đông.

Tham khảo

[1]-Trịnh Hoài Đức- Gia Định thành thông chí,
[2]-Trương Vĩnh Ký- Souvenirs historiques
[3]-Vương Hồng Sển- Sài gòn năm xưa
[4]-Léopold Pallu de la Barrière -Histoire de l'expédition en Cochinchine en 1861
[5]-Anatole Petiton-La Cochinchine française: la vie à Saïgon, notes de voyage, 1883

Nguyễn Hoạt

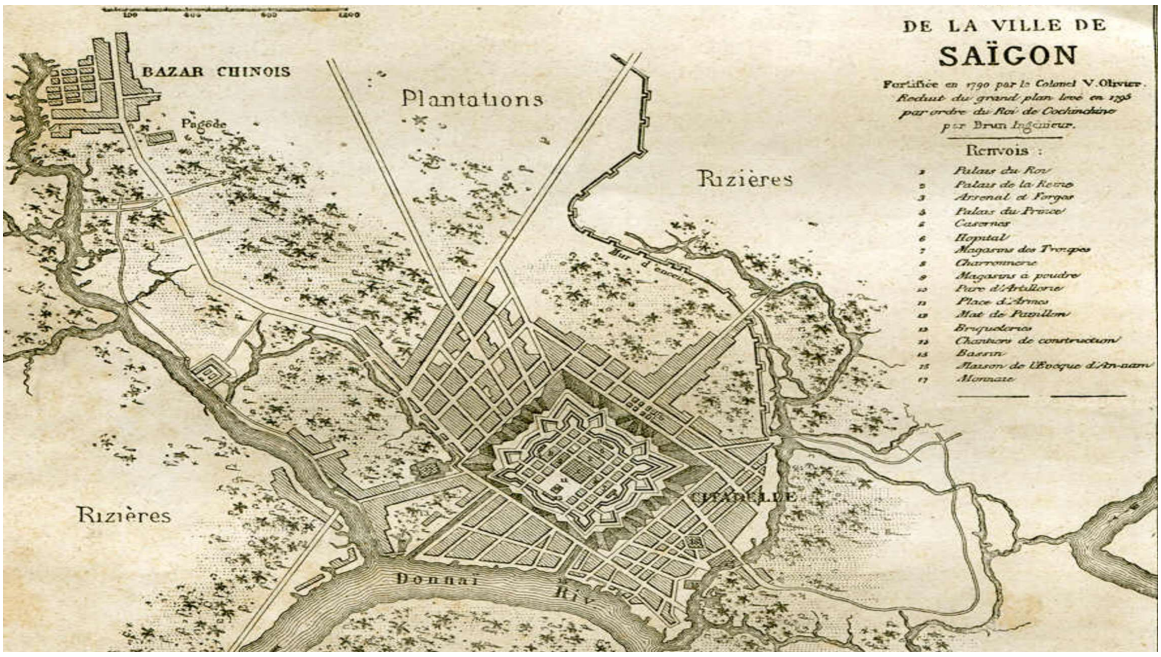

Sàigòn-Chợ lớn (Bazar chinois) năm 1860

www.vietnamvanhien.org

An Lạc & Tự Chủ
VIỆT NAM VĂN HIẾN
www.vietnamvanhien.info
TỦ SÁCH VĂN HIẾN VỚI HƠN 8800 TÁC PHẨM